BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG

Số: 1941/QĐ -IPN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán Mua sắm hóa chất cho hoạt động kiểm nghiệm mẫu dịch vụ từ nguồn thu sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2026 của Viện Pasteur Nha Trang

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 5334/QĐ-BYT ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Nha Trang trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 4058/QĐ-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-BYT ngày 23/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao quyền tự chủ tài chính đối với sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế giai đoạn 2026 – 2030 ;

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-IPN ngày 01/10/2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Nha Trang về việc phê duyệt dự toán Mua sắm hóa chất cho hoạt động kiểm nghiệm mẫu dịch vụ từ nguồn thu sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2026 của Viện Pasteur Nha Trang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tại Tờ trình ngày 02/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm hóa chất cho hoạt động kiểm nghiệm mẫu dịch vụ từ nguồn thu sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2026 của Viện Pasteur Nha Trang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm hóa chất cho hoạt động kiểm nghiệm mẫu dịch vụ từ nguồn thu sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2026 của Viện Pasteur Nha Trang với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng: Tài chính kế toán, Kế hoạch - Nghiệp vụ, Trưởng Khoa Sức khỏe môi trường - Bệnh nghề nghiệp và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHNV.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN PASTEUR NHA TRANG

Đỗ Thái Hùng

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM HÓA CHẤT CHO HOẠT ĐỘNG KIỂM NGHIỆM MẪU DỊCH VỤ

(Kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-IPN ngày 12/10/2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Nha Trang)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu							
1	Viện Pasteur Nha Trang	Mua sắm hóa chất (68 danh mục)	Lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất cho hoạt động kiểm nghiệm mẫu dịch vụ.	561.354.420	Nguồn thu sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2026 của Viện Pasteur Nha Trang	Chào giá trực tuyến rút gọn xét theo từng phần (từng danh mục mặt hàng).	30 ngày	Tháng 10/2026	Theo đơn giá cố định	03 tháng
Tổng giá trị gói thầu				**561.354.420 đồng**						

Phụ lục II

CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

GÓI THẦU MUA SẮM HÓA CHẤT (68 DANH MỤC)

(Kèm theo Quyết định số 1941 /QĐ-IPN ngày ...12/10./2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Nha Trang)

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
1	Hóa chất 1,10 - phenanthroline hydrochloride monohydrate	Lọ 10g	Lọ	1	1072230010		Merck		- Quy cách: Lọ 10g - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: ≥ 99.5 % - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.012.040	2.012.040
2	Hóa chất Acetic acid	Chai/1 lít	Chai	7	1000631000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	778.680	5.450.760
3	Dung dịch Ammonia 25%	Chai/1 lít	Chai	2	1054321011		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. ISO, reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: 25.0-30.0% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	405.000	810.000
4	Hóa chất Ammonium chloride	Hộp 500g	Hộp	2	1011450500		Merck		- Quy cách: Hộp 500g - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.101.600	2.203.200

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
5	Hóa chất Ammonium Iron(II) sulphate hexahydrate	Hộp 500g	Hộp	1	1037920500		Merck		- Quy cách: Hộp 500g - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. ISO. - Độ tinh khiết: 99.0 - 101.5 % - pH-value (5%; trong nước; 25°C) 3.0 - 5.0 - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.925.100	1.925.100
6	Thuốc thử Anaerocult A for microbiology	Hộp/25 cái	Hộp	2	132369		Merck		- Quy cách: Hộp/ 25 cái - Dùng tạo môi trường yếm khí để nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí - Tạo môi trường không có O_2 và có CO_2. - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.608.200	5.216.400
7	Chất chuẩn Boron (B)	Chai/500ml	Chai	1	1195000500		Merck		- Quy cách: Chai 500 ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 mg/L Boron trong H2O - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.117.800	1.117.800
8	Chất chuẩn Bromate cho IC	Chai/ 100ml	Chai	1	78476-100ML		Sigma - Aldrich		- Quy cách: Chai 100ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 mg/L Bromate trong H2O - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.863.000	1.863.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
9	Dung dịch đệm pH 4	Chai/500ml	Chai	1	HI7004L		Hana Instruments		- Quy cách: Chai 500ml - Dung Dịch Chuẩn pH 4.01 Theo Tiêu Chuẩn NIST - Chứng nhận phân tích (COA) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	580.500	580.500
10	Dung dịch đệm pH 7	Chai/500ml	Chai	1	HI7007L		Hana Instruments		- Quy cách: Chai 500ml - Dung Dịch Chuẩn pH 7.01 Theo Tiêu Chuẩn NIST - Chứng nhận phân tích (COA) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	580.500	580.500
11	Dung dịch đệm pH 10	Chai/500ml	Chai	1	HI7010L		Hana Instruments		- Quy cách: Chai 500ml - Dung Dịch Chuẩn pH 10.01 Theo Tiêu Chuẩn NIST - Chứng nhận phân tích (COA) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	580.500	580.500
12	Chất chuẩn Chlorate cho IC	Chai/ 100ml	Chai	1	73166-100ML		Sigma - Aldrich		- Quy cách: Chai 100ml - Chlorate :1000 mg/L ±5mg L Chlorate trong H2O - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.925.100	1.925.100
13	Chất chuẩn Chlorite cho IC	Chai/ 100ml	Chai	1	ICS006-100ML		Sigma - Aldrich		- Quy cách: Chai 100ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 µg/mL Chlorite trong H2O - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	3.167.100	3.167.100

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
14	Chất chuẩn Nitrate cho IC	Chai/500ml	Chai	1	1046130500		Merck		- Quy cách: Chai 500ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 mg/L Nitrate trong H2O - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.676.700	1.676.700
15	Chất chuẩn Nitrite cho IC	Chai/500ml	Chai	1	1046590500		Merck		- Quy cách: Chai 500ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 mg/L Nitrite trong H2O - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.676.700	1.676.700
16	Chất chuẩn Phosphate cho IC	Chai/500ml	Chai	1	1046900500		Merck		- Quy cách: Chai 500ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 mg/L Phosphate trong H2O - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.552.500	1.552.500
17	Chất chuẩn Sulfate cho IC	Chai/500ml	Chai	1	1046940500		Merck		- Quy cách: Chai 500ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 mg/L Sulfate trong H2O - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.676.700	1.676.700
18	02600594-Chuẩn độ dẫn	Chai/ 480ml	Chai	1	1-75-53256		Eutech Instruments		- Quy cách: Chai 480 ml - Dung dịch chuẩn độ dẫn 1413µs/cm. - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	702.000	702.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
19	Hóa chất Coagulase plasma rabbit	Hộp 6x3ml	Hộp	1	1133060001		BD		- Quy cách: Hộp 6 × 3 mL. - Dạng: huyết tương thỏ có EDTA, đông khô. - Sau hoàn nguyên thu được 3 mL/vial. - Hàng mới 100%, nguyên bao bì nhà sản xuất và COA. - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.173.500	2.173.500
20	Chất chuẩn Decaflourobiphenyl	Lọ/5G	Lọ	1	D227		Sigma-Aldrich		- Quy cách: Lọ 5g - Độ tinh khiết: 99% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.061.720	2.061.720
21	Hóa chất Dichloromethane dùng cho GC SupraSolv	Chai/1 lít	Chai	10	1060541000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - Hóa chất thuộc loại SupraSolv dùng cho GC - pH: 7 (20 °C) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.546.100	25.461.000
22	Hóa chất Dichloromethane dùng cho Analysis	Chai/1 lít	Chai	10	1060501000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	660.960	6.609.600
23	Hóa chất Diphenylamine-4-sulfonic acid barium salt	Lọ 5g	Lọ	1	1002550005		Merck		- Quy cách: Lọ 5g - Bước sóng hấp thụ cực đại λmax. : 290 - 295 nm - Hao hụt khi sấy (105 °C): ≤ 5 % - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	4.347.000	4.347.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
24	Thuốc thử DPD xác định clo tự do cho mẫu	Gói 100 cái	Gói	5	1407799-VN		Mỹ / HACH		- Quy cách: Gói 100 cái - Thuốc thử dạng gói bột DPD Free Chlorine, cho mẫu 5 mL - Thang đo: đến 3.5 mg/L - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	934.200	4.671.000
25	Dung dịch Egg york Tellurite Emulsion 20%	Lọ 50 ml	Lọ	2	1037850001		Merck		- Quy cách: Lọ 50 mL. - Dạng: nhũ tương lòng đỏ trứng, dạng lỏng, vô trùng, 20%, dùng cho vi sinh. - Dùng làm chất bổ sung cho Baird-Parker Agar (Base), Cat. No. 1.05406. 50 mL chế phẩm + 950 mL môi trường Baird-Parker đã hoàn nguyên - Bảo quản: 2–8°C. - Yêu cầu: Hàng mới 100%, nguyên bao bì nhà sản xuất, có số lô, hạn sử dụng và COA,.Vô trùng. - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	777.600	1.555.200
26	Hóa chất Ethanol	Chai/1 lít	Chai	5	1009831000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. ISO, reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: ≥ 99.9% - Hóa chất dùng cho GC - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	738.720	3.693.600
27	Hóa chất Ethylenediaminetetraacetic acid disodium magnesium salt hydrate	Hộp/50 g	Hộp	2	317810		Sigma - Aldrich		- Quy cách: Hộp 50g - Độ tinh khiết: 99% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.235.600	4.471.200

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
28	Chất chuẩn Fluoride (F)	Chai/500ml	Chai	1	1046880500		Merck		- Quy cách: Chai 500ml - Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17034, tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Giá trị định danh: 1000 mg/L Fluoride trong nước - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.676.700	1.676.700
29	Hóa chất Legionella bcye growth supplement	Hộp 10 vial	Hộp	2	SR0251A		Oxoid		- Quy cách: Hộp 10 vial - Dạng đông khô - 01 vial pha cho 100 mL môi trường. Legionella Agar Base (CM1203B). - Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm vô trùng, nguyên bao bì nhà sản xuất và COA. - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.950.000	3.900.000
30	Hóa chất Methyl orange	Lọ 25g	Lọ	1	1013220025		Merck		- Quy cách: Lọ 25g - Chất chỉ thị đạt chuẩn ACS, Reag. Ph Eur - Hao hụt khi sấy ≤5%, 110°C - pH 6.5 (20 °C, 5 g/L trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.676.700	1.676.700
31	Hóa chất N,N-dietyl-p-phenylendiamin	Lọ 25g	Lọ	1	261513-25G		Merck		- Quy cách: Lọ 25g - Độ tinh khiết: 97% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.546.100	2.546.100
32	Hóa chất Nitric acid 65%	Chai 2,5 lít	Chai	1	1004562500		Merck		- Quy cách: Chai 2,5 lít - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn chất lượng reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: ≥ 65.0% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.116.720	1.116.720

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
33	Dung dịch Oxalic acid [0.05M (0.1N)]	Hộp/ 1 ống	Ống	2	1099650001		Merck		- Quy cách: Hộp 1 ống - Dung dịch axit oxalic, cho 1000 ml, c(C2H2O4) = 0,05 mol/l (0,1 N) Titrisol® - pH: 1 (20 °C trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.366.200	2.732.400
34	Hóa chất Potassium carbonate	Hộp 500g	Hộp	1	1049280500		Merck		- Quy cách: Hộp 500g - Sản phẩm tinh khiết theo tiêu chuẩn reag. ISO, reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: ≥ 99.0% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.614.600	1.614.600
35	Hóa chất Potassium chloride	Hộp 250g	Hộp	1	1049360250		Merck		- Quy cách: Hộp 250g - Độ tinh khiết: ≥ 99.5% - pH:5.5-8.0 (25 °C, 50 g/L trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	648.000	648.000
36	Hóa chất Potassium dihydrogen phosphate	Hộp 250g	Hộp	1	1048730250		Merck		- Quy cách: Hộp 250g - Độ tinh khiết: ≥ 99.5% - pH: 4.2-4.6 (20 °C, 20 g/L trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	829.440	829.440
37	Dung dịch Potassium permanganate	Chai/1 lít	Chai	2	1091221000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Sản phẩm tinh khiết theo tiêu chuẩn reag. ISO, reag. Ph. Eur. - pH: 8 (20 °C trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.304.100	2.608.200

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
38	Hóa chất Pseudomonas CN selective supplement	Hộp 10 vial	Hộp	1	1076240010		Merck		- Quy cách: Hộp/10 vial. - Chất bổ sung chọn lọc dạng đông khô. - 01 vial pha cho 500 mL môi trường Pseudomonas CN/CFC Agar Base (Cat. No. 107620) theo hướng dẫn của nhà sản xuất. - Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm vô trùng, nguyên bao bì nhà sản xuất và COA. - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	3.105.000	3.105.000
39	Hóa chất Sodium carbonate anhydrous	Hộp 500g	Hộp	1	1063920500		Merck		- Quy cách: Hộp 500g - Độ tinh khiết: ≥ 99.9% - pH: 11.16 (25 °C, 4 g/L trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	686.880	686.880
40	Hóa chất Tri-Sodium citrate dihydrate (M)	Hộp 500g	Hộp	3	1064480500		Merck		- Quy cách: Hộp 500g - Hóa chất tinh khiết theo reag. ISO, reag. Ph. Eur. - Độ tinh khiết: 99.0-101.0% - pH: 7.5-9.0 (25 °C, 50 g/L trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	738.720	2.216.160
41	Hóa chất Zinc acetate dihydrate	Hộp 250g	Hộp	1	1088020250		Merck		- Quy cách: Hộp 250g - Độ tinh khiết: 99.5-101.0% - pH: 6-7 (5% trong H2O) - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.055.700	1.055.700
42	Cột chiết pha SAX 3ml, 100mg	Hộp/50 cái	Hộp	10	0124-0345		Vertipak		- Quy cách: Hộp 50 cái - Pha: SAX (Trimethylaminopropyl) - Khối lượng nhồi 100mg, thể tích 3ml	3.477.600	34.776.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
43	Giấy Parafilm	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	2	PM996		Mỹ / Alcan		- Quy cách: Hộp 1 cuộn - Kích thước: 4 inches x 125 feet (10 cm x 38.1 m)	797.040	1.594.080
44	Ống hút Pipette pasteur	Hộp/250 cái	Hộp	10			Hirschmann		- Quy cách: Hộp 250 cái - Chất liệu: Thủy tinh trong suốt, có độ bền cơ học và khả năng chịu nhiệt tốt - Chiều dài ống hút : 150mm - Đường kính ngoài thân: 6.5 mm – 7.1 mm, Độ dày thành ống: 0.45 mm – 0.53 mm, Đường kính ngoài đầu típ: 1.2 mm – 1.5 mm	469.152	4.691.520
45	Ống hấp thụ XAD-4	Hộp/50 cái	Hộp	5	226-93		SKC		- Quy cách: Hộp 50 cái - Vật liệu hấp thụ : Nhựa XAD-4 - Kích thước 7 x 70 mm, 2 đoạn chất hấp phụ 80/40 mg, 20/40 mesh.	6.383.880	31.919.400
46	Chai vial	Hộp 100 cái	Hộp	10	20ML-18-V1001		Trung Quốc / Alainlab		- Quy cách: Hộp 100 cái - Chất liệu : thủy tinh - Chai thủy tinh trắng 20ml (Headspace) (Dạng nắp vặn, 22.5 x 75mm)	324.000	3.240.000
47	Bóp cao su pipet pasteur	Cái	Cái	10			#REF!		- Chất liệu: Cao su tự nhiên hoặc Silicone (có độ đàn hồi tốt, kín khí), chịu nhiệt, màu trắng trong suốt - Quả bóp cao su pipet pasteur dùng cho thể tích 2ml	32.400	324.000
48	Hóa chất Acetone GC	Chai/1 lít	Chai	5	1000121000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất dùng cho GC - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.160.000	10.800.000
49	Chất chuẩn Carbofuran	Lọ 1ml	Lọ	1	M-531-08		AccuStandard		- Quy cách: Lọ 1ml - Hóa chất chất chuẩn Carbofuran - Nồng độ: 0.1 mg/mL - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.609.200	1.609.200

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
50	Chất chuẩn Chlorinated Disinfectants Mixture	Lọ 1ml	Lọ	1	RD1409701		CPAchem		- Quy cách: Lọ 1ml - Chuẩn hỗn hợp 5 thành phần: 1,1-Dichloro-2-propanone; Dibromoacetonitrile; Dichloroacetonitrile; Trichloroacetonitrile; 1,1,1-Trichloroacetone - Nồng độ: 5000mg/l - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	13.532.400	13.532.400
51	Chuẩn chuẩn hỗn hợp gốc EPA 552.2 Haloacetic Acids Mix	Lọ 1ml	Lọ	1	49107-U		Sigma-Aldrich		- Quy cách: Lọ 1ml - Chuẩn hỗn hợp 9 thành phần: BROMOACETIC ACID; BROMOCHLOROACETIC ACID; BROMODICHLOROACETIC ACID; CHLOROACETIC ACID; CHLORODIBROMOACETIC ACID; DIBROMOACETIC ACID; DICHLOROACETIC ACID; TRIBROMOACETIC ACID; TRICHLOROACETIC ACID Nồng độ: 2000 µg/mL - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	3.585.600	3.585.600
52	Hóa chất Ethyl acetate dùng cho Analysis	Chai/1 lít	Chai	10	1096231000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn ACS, ISO - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - Hóa chất dùng cho GC - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.134.000	11.340.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
53	Hóa chất Ethyl acetate dùng cho GC Suprasolv	Chai/1 lít	Chai	10	1109721000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất dùng cho GC - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.138.400	21.384.000
54	Hóa chất Ethylen glycol monomethyl ether	Chai/1 lít	Chai	1	149360010		Thermo Fisher		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất Ethylen glycol monomethyl ether - Độ tinh khiết : ≥ 99% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.937.600	2.937.600
55	Hóa chất Hydroxylammonium chloride	Lọ 100g	Lọ	1	412051000		Thermo Fisher		- Quy cách: Lọ 100g - Hóa chất Hydroxylammonium chloride - Độ tinh khiết : ≥ 98% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.587.600	1.587.600
56	Kit xác định nội độc tố	Hộp/192 test	Hộp	3	50-650U		Mỹ / Lonza		- Quy cách: Hộp/192 test - Phương pháp: LAL động học – sắc ký màu (Kinetic Chromogenic LAL). - Khoảng định lượng: 0,005–50 EU/mL. - Bước sóng đọc: 405 nm. Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm nguyên bao bì nhà sản xuất và COA. - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	39.387.600	118.162.800
57	Hóa chất Methanol GC MS	Chai/1 lít	Chai	10	1008371000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Độ tinh khiết: ≥ 99.8% - Hóa chất dùng cho GC - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.620.000	16.200.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
58	Hóa chất Methanol cho HPLC grade	Chai/4L	Chai	10	1060074000		Merck		- Quy cách: Chai 4 lít - Hóa chất dùng cho HPLC - Độ tinh khiết: ≥99.9% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	540.000	5.400.000
59	Hóa chất Natri nitroprusside	Hộp 100g	Hộp	1	1065410100		Merck		- Quy cách: Hộp 100g - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn ACS - Độ tinh khiết(argentometric): 99.0 - 102.0 % - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	5.346.000	5.346.000
60	Hóa chất Nitric Acid 60% siêu tinh khiết	Lọ 250 ml	Lọ	1	1015180250		Merck		- Quy cách: Lọ 250ml - Hóa chất phù hợp cho EPA 200.7, EPA 200.8 - Độ tinh khiết: 60% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	24.624.000	24.624.000
61	Chất chuẩn Pendimethalin	Lọ 1ml	Lọ	1	RD0321661		CPAchem		- Quy cách: Lọ 1ml - Chất chuẩn Pendimethalin - Nồng độ: 100 ug/ml - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	5.346.000	5.346.000
62	Chất chuẩn Propanil	Lọ 250mg	Lọ	1	DRE-C16410000		LGC		- Quy cách: Lọ 250mg - Chất chuẩn Propanil - Độ tinh khiết : ≥ 99% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	2.948.400	2.948.400

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (đồng)
63	Hóa chất Sodium hydroxide	Hộp 1000g	Hộp	1	1064981000		Merck		- Quy cách: Hộp 1000g - Độ tinh khiết: 99,99% - Chloride (Cl): ≤ 1 ppm - Phosphate (PO_4): ≤ 0.05 ppm - Silicate (as SiO_2): ≤ 5 ppm - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.188.000	1.188.000
64	Hóa chất Sulfuric acid 95-97%	Chai/1 lít	Chai	2	1007311000		Merck		- Quy cách: Chai 1 lít - Hóa chất tinh khiết theo tiêu chuẩn ISO - Độ tinh khiết: 95-97% - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	1.134.000	2.268.000
65	Chất chuẩn Vinyl Cloride	Lọ 1ml	Lọ	1	30089		Retek		- Quy cách: Lọ 1ml - Chất chuẩn Vinyl Cloride - Nồng độ: 2000 ug/ml - HSD: Tại thời điểm nhận hàng hạn sử dụng còn tối thiểu 1/2 hạn sử dụng của nhà sản xuất	5.443.200	5.443.200
66	Cột Strata SDBL 100 um Styrene divinylbenzene	Hộp 30 cái	Hộp	30	00571-20006		Welch Materials		- Quy cách: Hộp 30 cái - Cột chiết pha rắn PS/DVB có khối lượng chất nhồi: 500 mg - Thể tích: 6 ml - Kích thước hạt: 40-60µm	2.343.600	70.308.000
67	Đầu tiêm mẫu (Smart SPME fiber PDMS)	Hộp/ 3 cái	Hộp	1	227-35344-03		Shimadzu		- Quy cách: Hộp 3 cái - Sợi vi chiết pha rắn Smart SPME Fiber 100um - Vật liệu : PDMS, Kích thước kim : 23 Gauge, Chiều dài fiber: 10 mm, Độ dày: 100um	39.992.400	39.992.400
68	Găng tay cao su không bột	Hộp/50 đôi	Hộp	30					- Quy cách: Hộp 50 đôi - Chất liệu: Cao su tự nhiên - Loại găng tay không bột	154.440	4.633.200
Tổng cộng											**561.354.420**
Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi đồng.											